TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2022.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thanh Tâm.

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1994;

Nơi cư trú: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn C, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày*: Chị T và anh C tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, anh C tính toán chi ly về tiền bạc, ghen tuông, uống rượu kiếm cớ đánh chị T, nên

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ đầu năm 2019, đến cuối năm 2020 chị T và anh C hàn gắn tình cảm sống chung lại với nhau thời gian khoảng gần 1 tháng, tuy nhiên do anh C có hành động không tôn trọng chị T, dùng điện thoại chụp ảnh nhạy cảm, đe dọa sẽ gửi ảnh lên mạng, nên chị T không thể chung sống với anh C và ly thân cho đến nay. Con chung tên Trần Thị Bảo H, sinh ngày 29/6/2013 đang chung sống với anh C do cháu Nhi phải đi học. Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu: Ly hôn với anh Trần Văn C, con chung Trần Thị Bảo H, sinh ngày 29/6/2013, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn* anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng như tham dự phiên hòa giải và phiên tòa 02 lần nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh C về yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C, con chung tiếp tục giao cháu Bảo H cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn C, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh C, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh C, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C vắng mặt lần thứ 2 không nêu lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn vắng mặt có lý do, bị đơn anh C cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh C là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống xuất phát từ mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường hay cự cãi, ghen tuông, đánh đập chị T, không quan tâm chăm sóc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên không thể hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với C, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đở, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị T và anh C không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị T và anh C đã ly thân từ năm 2020 đến nay, anh C đã được Tòa án thông báo hòa giải 02 lần để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh C không đến, từ đó cho thấy anh C không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Trần Văn C phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1.] Về nuôi con chung chưa thành niên: Con chung tên Trần Thị Bảo H, sinh ngày 29/6/2013, chị T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo H, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh C không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung. Căn cứ Bản tự khai ngày 29/4/2022 của cháu Trần Thị Bảo H, nguyện vọng của cháu Hân sau khi cha mẹ ly hôn được sống với mẹ. Để đảm bảo cho cháu Bảo H có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T đối với anh C, giao cháu Trần Thị Bảo H, sinh ngày 29/6/2013 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Bảo H không ai được cản trở.

[2.2.2.] Về cấp dưỡng cho con: Cháu Trần Thị Bảo H giao cho chị Cẩm T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị T có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy

định pháp luật. Do con chung giao chị T nuôi dưỡng, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Chị T yêu cầu cấp mức dưỡng theo quy định pháp luật là ½ tháng lương cơ sở mỗi tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc buộc anh C cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Trần Văn C, cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Trần Văn C.

Giao cháu Trần Thị Bảo H, sinh ngày 29/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn C phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Trần Thị Bảo H với mức cấp dưỡng mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi cháu Trần Thị Bảo H đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/6/2022.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Trần Văn C không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Cẩm T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Trần Văn C.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001478 ngày 14/3/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị T không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Trần Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/6/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- UBND xã C, huyện T, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ